

Số: /KSBT-KHN
V/v đề nghị báo giá thiết bị y tế

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty, doanh nghiệp cung cấp thiết bị.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Phương Dung, Phó Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ

Số điện thoại: 0962.685.855

Email: kehoach.cdcninhbinh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Các nhà cung cấp dịch vụ gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về: **Phòng Kế hoạch nghiệp vụ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình** (địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình).

- Đồng thời các nhà cung cấp gửi bản scan và file mềm báo giá về địa chỉ gmail: kehoach.cdcninhbinh@gmail.com.

- Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm tiếp nhận bản scan qua email (thời điểm báo có thư đến).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 19 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 29 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày gửi báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu (có phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp

- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình (trụ sở chính) (*địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình*);

- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, bàn giao tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 15 ngày kể từ khi đặt hàng.

4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không;

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình trân trọng thông báo và kính mời các Công ty, doanh nghiệp có đầy đủ năng lực quan tâm tham gia.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các nhà cung cấp thiết bị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KHN.V.

GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Nam

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU

(Kèm theo Công văn số /KSBT-KHNV ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)

STT	Tên trang thiết bị	Thông tin, yêu cầu	Số lượng
1	Máy Laser Hene	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-13485 - Nguồn điện: 220V/50Hz - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Dây quang dẫn: 01 cái - Chia khóa nguồn: 02 cái - Dây nguồn: 01 cái - Cầu chì: 02 cái - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Bước sóng: khoảng 632,8nm. - Công suất phát laser: $\geq 50\text{mW}$ - Cơ chế dẫn tia: dây quang dẫn hoặc tốt hơn. - Hiển thị: LED 7 đoạn hoặc tốt hơn. - Thời gian cài đặt: từ ≤ 1- ≥ 99 phút - Công suất tiêu thụ: $\leq 60\text{W}$ (max). - Điện áp môi: Khoảng 9,1kV. - Điện áp làm việc của nguồn: Khoảng 3,1kV. - Di chuyển: Bằng bánh xe - Trọng lượng: $\leq 25\text{kg}$	01
2	Máy chụp và phân tích da	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 - Nguồn điện: 100-240 V/50-60 Hz - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam	01

		2. Cấu hình cho mỗi máy - Máy chính Scanner: 01 máy - Phần mềm phân tích: 01 bộ - Khóa: 01 cái - Máy tính máy in (mua tại Việt Nam): 01 Bộ - Hướng dẫn sử dụng TV& TA: 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật - Tự động phân tích da và cho kết quả nhanh chóng về tình trạng của da, độ trẻ hóa của da. - Soi và phân tích nhanh, chính xác thành phần trong da như bã nhờn, lỗ chân lông, các nếp nhăn hay nhiễm sắc tố của da. - Hiển thị các giá trị đo được trên ảnh gốc với hiệu ứng 3D. - Phân tích được da đang ở tình trạng nào, từ đó có chuẩn đoán và tư vấn chăm sóc da, có quyết định chính xác trước khi trị liệu - Độ phân giải ảnh cao: ≥ 10 Megapixel - Soi và phân tích toàn bộ khuôn mặt nhanh và chính xác. - Tự động nhận dạng khuôn mặt. - Ghi nhớ dữ liệu khách hàng để dễ dàng so sánh qua từng đợt điều trị. - Công suất: $\geq 50W$	
3	Máy ánh sáng sinh học dùng trong chăm sóc da	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 - Nguồn điện: 100-240 V/50-60 Hz - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính kèm đèn chiếu và xe đẩy: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - HDSD tiếng Anh/Việt: 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật - Ứng dụng điều trị: + Trị mụn, tái tạo da, làm mềm da. + Điều trị và chăm sóc da đầu: rụng tóc, viêm da tiết bã nhờn, gàu và ngứa - Đèn LED: loại công suất cao dùng trong lĩnh vực Y tế	01

		- Dễ dàng điều chỉnh độ cao của đèn - Tuổi thọ của bóng Bio Light Led: $\geq 20,000(h)$; Bóng Halogen: $\geq 3,000(h)$ - Bộ hẹn thời gian điều trị tự động - Thiết kế chắc chắn, ổn định, 3 góc điều chỉnh (mặt, đầu... v.v...) - Ánh sáng đỏ: Tái tạo tế bào, kích thích sản sinh tế bào mới. Phục hồi sau điều trị hoặc sau phẫu thuật - Ánh sáng xanh: Diệt vi khuẩn. Điều trị mụn trứng cá, mụn đầu đen. Làm sạch khuẩn sau khi điều trị. - Kết hợp ánh sáng xanh + đỏ: Tác dụng bổ trợ lẫn nhau. Chăm sóc da đầu - Góc điều chỉnh: tối thiểu có 45°, 90°, 180° - Trọng lượng: ≤ 25 kg - Độ cao có thể điều chỉnh từ: $\leq 1,400$ mm – $\geq 1,900$ mm - Bước sóng: Tối thiểu có 2 bước sóng 435nm, 660nm	
4	Thiết bị phẫu thuật Plasma	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-13485 - Nguồn điện: 220V/50Hz - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Máy chính: 01 chiếc - Bút lắp điện cực: 01 cái - Tay dao cắt đốt: 01 cái - Đầu của tay dao cắt đốt: 06 cái - Bàn đạp chân: 01 cái - HDSD tiếng việt: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Điện thế điều trị: ≤ 5 - $\geq 20V$ - Điện áp nguồn: 220V/250V – 50/60 Hz - Công suất tiêu thụ: $\leq 100W$ - Công suất phát: $\leq 50W$ - Cơ chế điều khiển: Bàn đạp chân hoặc tương đương. - Chủng loại kim phẫu thuật: Kim châm cứu và kim chuyên dụng	01

		- Kích thước kim phẫu thuật: $\leq 0,4 - \geq 2$ mm - Chế độ làm việc: Cắt và đốt - Điều khiển công suất: Bằng chiết áp hoặc tương đương - Trọng lượng: ≤ 5 kg	
5	Máy đo ánh sáng	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Dải đo: 0 đến ≥ 100.000 lux - Độ chính xác: Class C hoặc tốt hơn - Độ phân giải: ≤ 0.1 Lux (< 10000 Lux) và ≤ 1 Lux (≥ 10000 Lux) - Độ chính xác của thiết bị tuân theo tiêu chuẩn DIN 5032-7 / EN 13032-1, phụ lục B - Dễ dàng xem, chia sẻ dữ liệu dưới dạng PDF, CSV, biểu đồ bằng ứng dụng	01
6	Máy đo bụi hiện số	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Kênh: tối thiểu có 0.3, 2.5, 10μm - Lưu lượng: 0.1ft³(2.83L/phút) kiểm soát bằng bơm	01

		- Chế độ đếm: tối thiểu có các chế độ Tổng, Nồng độ, Âm - Tiêu hao trùng lặp: $\leq 5\%$, 2,000,000 hạt/ft³ - Nồng độ theo khối lượng: + Kênh PM2.5: $0 \sim \geq 500\mu\text{g}/\text{m}^3$ + Kênh PM10: $0 \sim \geq 500\mu\text{g}/\text{m}^3$ * Nhiệt độ không khí - Dải đo nhiệt độ không khí: $\leq 0 \sim \geq 50^\circ\text{C}$ ($\leq 32 \sim \geq 122^\circ\text{F}$) - Độ chính xác: $\leq \pm 1^\circ\text{C}/^\circ\text{F}$ - Dải đo độ ẩm: $0 \sim \geq 100\%\text{RH}$ - Độ chính xác: $\leq \pm 3.5\%\text{RH}(20-80\%\text{RH})$ $\leq \pm 5\%\text{RH}(0-20\%\text{RH})$ $\leq \pm 5\%\text{RH}(80-100\%\text{RH})$ - Dải đo nhiệt độ điểm sương: $\leq -30 \sim \geq 100^\circ\text{C}$ ($\leq -22 \sim \geq 199^\circ\text{F}$) - Dải đo nhiệt độ bầu ướt: $\leq 0 \sim \geq 80^\circ\text{C}$ ($\leq 32 \sim \geq 176^\circ\text{F}$) * HCHO - Dải đo HCHO (methanal): $\leq 0.01 \sim \geq 5.00\text{ppm}$ - Độ chính xác: $\leq \pm 5\%\text{FS}$	
7	Máy đo độ ẩm	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Dải đo: + Nhiệt độ: ≤ -20 đến $\geq +60^\circ\text{C}$ + Độ ẩm: 0 đến 100 %RH - Độ chính xác: $\leq \pm 0.5^\circ\text{C} / \pm 2.5 \%\text{RH}$ - Tính toán điểm sương và nhiệt độ bầu ướt.	01

		- Hiển thị các giá trị Max./ Min., chức năng HOLD và tự động tắt. - Nguồn hoạt động: pin 9V	
8	Máy đo độ ồn	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Dải đo: ≤ 32 đến ≥ 130dB - Tần số: ≤ 31.5Hz đến ≥ 8kHz - Độ chính xác: $\leq \pm 1$dB - Có lưu trữ giá trị max/min - Có chức năng đo nhanh/chậm - Nguồn hoạt động: pin 9V	01
9	Máy đo khí CO ₂	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Dải đo: 0 đến ≥ 10000 ppm + Độ chính xác: $\leq \pm (100 \text{ ppm} + 5 \% \text{ giá trị đo})$ + Độ phân giải: ≤ 1 ppm	01

		- Có cảnh báo giá trị vượt ngưỡng bằng âm thanh. - Dễ dàng xem, chia sẻ dữ liệu dưới dạng PDF, CSV, biểu đồ bằng ứng dụng	
10	Máy đo tốc độ gió, lưu lượng gió	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Đầu đo dạng sợi nhiệt Ø7.5mm, tay cầm có thể kéo dài đến $\geq 820\text{mm}$ - Đo vận tốc và nhiệt độ đơn giản, nhanh chóng và chính xác cùng tính toán lưu lượng thể tích trong ống thông gió - Tính toán giá trị trung bình theo thời gian và điểm - Dải đo: + Vận tốc gió: 0 đến $\geq 30\text{m/s}$ + Nhiệt độ: $\leq -20^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 70^{\circ}\text{C}$ - Dễ dàng xem, chia sẻ dữ liệu bằng ứng dụng trên điện thoại di động	01
11	Máy đo chức năng hô hấp	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-13485 - Nguồn điện: 220V/50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa đến 40°C + Độ ẩm tối đa đến 85% 2. Cấu hình cho mỗi máy - Máy chính: 01 chiếc - Giấy ngâm miệng: 100 chiếc - Giấy in nhiệt: 01 cuộn	01

		- Đầu cảm biến: 02 cái - Xilanh chuẩn máy: 01 chiếc - Dây nguồn: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt, Tiếng Anh: 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật Tính năng kỹ thuật tối thiểu có : - Có thể lưu được hơn ≥ 20.000 lần kiểm tra - Có thể kết nối được trực tiếp với máy in ngoài - Có chức năng hỗ trợ ước tính tuổi của phổi Thông số kỹ thuật tối thiểu : + Độ phân giải lưu lượng : ≤ 0.01 L/s + Dải lưu lượng : $\geq \pm 18$ Lít/giây + Độ chính xác lưu lượng : $\leq \pm 5\%$ hoặc ± 0.02 Lít/s + Giới hạn thể tích : Từ 0 đến $\geq \pm 10.0$ Lít + Độ phân giải thể tích : ≤ 0.01 L + Độ chính xác thể tích : $\leq \pm 3\%$ hoặc $\pm 0,05$ Lít + Màn hình màu cảm ứng, kích thước ≥ 7 inch + Có các giao diện máy tính : cổng USB, kết nối không dây hoặc tương đương + Có các thông số đo sau: SVC, FVC, FEV0.5, FEV1, FEV3, FEV6, FEV1/FVC, FEV1./SVC, FEV1/FEV6, MMEF(FEF25-75), PEF, FEF25, FEF50, FEF75, FEF90, FEF50/FEF75, FEF75-85, FEF200-1200, OI, ATI, PEF time, FET, extrapV, ExtracpV%, FIVC, FIV0.5, FIV1, FIV1/FVC, FIV1/FIVC, PIF, FIF50, FEF50/FIF50, FIF50/FEF50, CVI, MVV43, FVC+FEV1, MVV, MV, RR, TV, BR, VR, BD test, kiểm tra phế quản	
12	Máy đo thính lực	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-13485 - Nguồn điện: 110-240 V/50-60 Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa đến 35°C + Độ ẩm tối đa đến 90% 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái	01

	- Tai nghe đường khí: 01 cái - Tai nghe đường xương: 01 cái - Nút bấm phản hồi của bệnh nhân: 01 cái - Cáp nguồn: 01 cái - Phần mềm Otoaccess + Diagnostic Suite: 01 bộ - Tài liệu HDSD (Tiếng Anh + Tiếng Việt): 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật <i>3.1. Đặc tính kỹ thuật</i> - Màn hình màu với độ phân giải cao, hiện thị đồng thời thính lực đồ của 2 tai theo tần số, cường độ đo và vùng bị mất thính lực - Thiết kế nhỏ gọn khiến máy có tính cơ động cao và tiết kiệm không gian khi đặt tại bệnh viện hoặc mang đi đo tầm soát ở trường học, xí nghiệp... - Bộ nhớ lưu trữ ≥ 500 kết quả. - Nút kích âm cảm ứng, không gây tiếng ồn giúp đảm bảo yên tĩnh tuyệt đối khi đo đồng thời có độ bền cơ học cao - Công nghệ Hybrid giúp kết nối máy tính, nhập thông tin bệnh nhân và vận hành đo trực tiếp trên máy tính đảm bảo xử lý nhanh và thuận tiện - Phần mềm lưu trữ kết quả trên máy tính giúp tìm lại các kết quả đo trước đây của từng bệnh nhân, giúp theo dõi quá trình điều trị bệnh và phẫu thuật tai trước/sau mổ - Phần mềm tùy biến giúp thiết lập Form báo cáo kết quả riêng của Bệnh viện (logo, địa chỉ, số điện thoại...) mà không cần ghi lại bằng tay. - Máy có thể vận hành độc lập bằng pin. <i>3.2. Thông số kỹ thuật</i> - Đo thính lực đường khí, đường xương và làm ù (Đường khí, đường xương) - Tần số: $\leq 125 - \geq 8.000$ Hz - Dải tần số: tối thiểu có các tần số 125, 250, 500, 750, 1.000, 1.500, 2.000, 3.000, 4.000, 6.000, 8.000 Hz - Cường độ: + Đường khí AC: từ ≤ -10 đến ≥ 120 dB H + Đường xương BC: từ ≤ -10 đến ≥ 70 dB HL - Âm đo: Pure tone, Warble, - Âm làm ù: Narrow band, cường độ $\leq 10 - \geq 90$ dB tùy theo tần số cần che lấp - Bước tăng âm: tối thiểu có 3 bước 1, 2 hoặc 5 dB - Màn hình Màu: $\geq 4,3$ inch	
--	---	--

		- Kết quả đo: In trực tiếp từ máy tính theo	
13	Máy sinh khí Hydrogen (thiết bị phụ trợ của máy sắc ký khí)	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ - Sách HDSD Anh/Việt: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Dung lượng khí Hydrogen tinh khiết tạo ra: $\geq 100\text{ml/phút}$. - Áp suất: $\leq 0 - \geq 6,9 \text{ bar}$ ($\leq 0 - \geq 100 \text{ psi}$). - Độ tinh khiết: $\geq 99,9995\%$. - Nước tinh khiết yêu cầu: $< 1.0 \mu\text{S-cm}$ (độ dẫn) / $> 1,0\text{M Ohm-cm}$ (điện trở) - Lượng nước tiêu thụ: $\leq 0,12 \text{ L/ngày}$. - Nhiệt độ môi trường vận hành: $\leq 10^\circ\text{C} - \geq 35^\circ\text{C}$. - Điện nguồn yêu cầu: 110-230V 50/60HZ 6A. - Công suất tiêu thụ: $\leq 400\text{W}$. - Kích thước: khoảng 38,0 x 54,0 x 40,6cm. - Trọng lượng: $\leq 29 \text{ Kg}$.	01
14	Máy đo hơi khí độc	1. Đặc tính chung - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: Phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam 2. Cấu hình cho mỗi máy - Thân máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Pin: 01 bộ - Sách HDSD: 01 quyển 3. Thông số kỹ thuật - Kích thước: khoảng 14,5 x 7,4 x 3,8 cm	01

		- Trọng lượng: ≤ 370 g - Nhiệt độ hoạt động: -20°C đến $+50^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm tương đối: 0% đến 95% (không ngưng tụ) - Loại cảm biến: Màn hình LCD hiển thị phát hiện nồng độ của tối đa loại khí sau: cảm biến điện hóa học: O_2, CO, H_2S, NH_3, Clo...; cảm biến xúc tác: khí cháy (%LEL); cảm biến quang hóa: hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs); cảm biến hồng ngoại: CO_2 - Bơm mẫu: Tùy chọn, hút mẫu từ khoảng cách lên đến 20 m - Cảnh báo: Âm thanh (95 dB), đèn LED và rung	
--	--	---	--